

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 121/2021/ HS - ST
Ngày 14 - 9 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Hải

2. Bà Nguyễn Ngọc Hà

- Thư ký phiên Tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa: Ông Trần Đức Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 118/2021/TLST - HS ngày 26 tháng 8 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2021/QĐXXST- HS ngày 01/9/2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Đình Đ, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1972 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn TL1, xã VL, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình T (Đã chết) và bà Phạm Thị Th; có vợ: Đào Thị L; có: 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: - Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 64 ngày 22/10/1992 của Công an huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xử phạt Trần Đình Đ 150.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong ngày 16/11/1992.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 65/QĐXPVPHC ngày 11/6/2006 của Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt cảnh cáo về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Quyết định số 2254/QĐ - UBND ngày 17/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình về việc áp dụng biện pháp đưa vào trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội thành phố Thái Bình đối với Trần Đình Đ trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 17/9/2009, lý do là nghiện ma túy, chấp hành xong ngày 17/9/2010.

- Tại bản án số 13/1995/HSST ngày 31/01/1995 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình và bản án số 35/1995/HSPT ngày 22/5/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân”, tính từ ngày bắt tạm giam 02/3/1995, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/3/1998, chấp hành xong án phí sơ thẩm, án phí hình sự phúc thẩm nhưng do thời gian quá lâu nên Cơ quan thi hành án dân sự không còn lưu trữ hồ sơ.

- Tại bản án số 174/2007/HSST ngày 27/12/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/9/2007, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/6/2008, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 19/9/2008.

- Tại bản án số 10/2017/HSST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 04 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2016 được trừ đi 09 ngày tạm giữ, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/10/2017, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 23/5/2017, chấp hành xong hình phạt bổ sung ngày 26/5/2021.

- Tại bản án số 22/2017/HSST ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/10/2017, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 15/8/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/6/2021 đến ngày 04/6/2021 chuyển tạm giam đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên Tòa).

2. Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 01 tháng 8 năm 1978 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn TL 1, xã VL, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc Tr và bà Đỗ Thị V; Bị cáo: Chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 53/2006/HSST ngày 16/6/2006 của Toà án nhân dân thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh (nay là thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng

Ninh) và bản án số 108/2006/HSPT ngày 18/8/2006 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 23/3/2006, đã chấp hình xong hình phạt tù ngày 25/10/2008, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm, án phí hình sự phúc thẩm ngày 24/8/2011, số tiền 1.800.000 đồng sung công quỹ nhà nước đã đình chỉ thi hành theo Quyết định đình chỉ số 72 ngày 30/9/2011 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/6/2021 đến ngày 04/6/2021 chuyển tạm giam đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên Tòa).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Chị Đào Thị L, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn TL 1, xã VL, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

** Người chứng kiến:*

- Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Số nhà 01, tổ 17, phường PhKh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Anh Lê Khánh D, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn PhKh, xã VPh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
(Có mặt: Chị L; vắng mặt: Ông Thành, anh Duy).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ 15 phút ngày 01/6/2021, Trần Đình Đ điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển số đăng ký 17M1-3758 đi từ nhà đến khu vực đường Phan Bá Vành, tổ 17, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình với mục đích mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Khoảng 08 giờ 00 cùng ngày, Nguyễn Trung Đ đi xe ôm của một người không biết tên, tuổi và địa chỉ đến khu vực đường Phan Bá Vành, tổ 17, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình với mục đích đi mua ma túy về để sử dụng cho bản thân. Khi đi đến nơi, Nguyễn Trung Đ gặp Trần Đình Đ (người cùng thôn và cùng sử dụng ma túy), Nguyễn Trung Đ hỏi: “*Anh đi mua hàng à*”, Trần Đình Đ hiểu hàng là ma túy nên trả lời “*Ừ, mày mua luôn cho anh*” và đưa cho Nguyễn Trung Đ 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, Nguyễn Trung Đ nhận và bỏ thêm ra 200.000 đồng, tổng cộng Nguyễn Trung Đ cầm 400.000 đồng đi mua ma túy còn Trần Đình Đ đứng chờ ngoài ngõ. Nguyễn Trung Đ đi vào ngõ gặp và mua của một người nam giới khoảng 40 tuổi, không

biết tên và địa chỉ 400.000 đồng được 02 gói ma túy. Sau đó, Nguyễn Trung Đ cầm 02 gói ma túy trong lòng bàn tay trái rồi đi ra chỗ Trần Đình Đ đang đứng. Nguyễn Trung Đ đưa 02 gói ma túy cho Trần Đình Đ, Trần Đình Đ nhận lấy và cầm trong lòng bàn tay trái và điều khiển xe máy chở Nguyễn Trung Đ đi tìm chỗ để sử dụng. Đến khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, khi đi đến khu vực đường Trần Thánh Tông, tổ 02, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình thì bị tổ công tác của phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Thái Bình yêu cầu dừng lại kiểm tra vì nghi có liên quan đến ma túy. Trước sự chứng kiến của ông Nguyễn Hữu Thành và ông Lê Khánh Duy, Trần Đình Đ tự giác đưa từ lòng bàn tay trái giao nộp cho tổ công tác 02 gói, bên ngoài đều được gói bằng giấy trắng kim màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục, Trần Đình Đ khai nhận đây là Heroine của Trần Đình Đ và Nguyễn Trung Đ mua về để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã niêm phong vào một phong bì dán kín, trên mép dán có chữ ký của Trần Đình Đ và Nguyễn Trung Đ, những người chứng kiến. Sau đó, tổ công tác yêu cầu Trần Đình Đ và Nguyễn Trung Đ cùng đưa xe máy về công an phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình để làm việc. Tại đây, kiểm tra người Nguyễn Trung Đ thu tại túi quần bên trái 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus màu hồng và 01 điện thoại di động Samsung màu đen, thu tại túi quần hậu bên phải số tiền 818.000 đồng. Kiểm tra người Trần Đình Đ và xe máy không phát hiện thu giữ gì. Sau đó, tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng, biên bản kiểm tra và quản lý điện thoại, phương tiện.

Tại bản kết luận giám định số 197/KLGĐMT - PC09 ngày 02/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Chất bột màu trắng dạng cục trong gói M1 trong phong bì niêm phong ghi: Vật chứng quản lý của Trần Đình Đ, sinh năm 1972, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TL 1, xã VL, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, ngày 01/6/2021 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,1088 gam. Chất bột màu trắng dạng cục trong gói M2 trong phong bì niêm phong ghi: Vật chứng quản lý của Trần Đình Đ, sinh năm 1972, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn TL 1, xã VL, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, ngày 01/6/2021 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,1244gam.

Tại phiên Tòa các bị cáo Trần Đình Đ, Nguyễn Trung Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố đối với các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 124/CT- VKSTPTB ngày 25/8/2021, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố các bị cáo Trần Đình Đ, Nguyễn Trung Đ đều về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Trần Đình Đ, Nguyễn Trung Đ về tội danh và điều luật như bản cáo trạng số 124/CT-VKSTPTB và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Đình Đ, Nguyễn Trung Đ. Xử phạt bị cáo Trần Đình Đ từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Đ từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng. Bị cáo Trần Đình Đ, Nguyễn Trung Đ không có ý kiến gì tranh luận với Kiểm sát viên về bản luận tội đối với các bị cáo tại phiên Tòa. Các bị cáo Trần Đình Đ, Nguyễn Trung Đ nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Các bị cáo và người chứng kiến không khiếu nại hay có ý kiến gì nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên Tòa hôm nay phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 09 giờ 10 phút ngày 01/6/2021, tại trụ sở Công an phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Biên bản niêm phong vật chứng do Phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 10 giờ 25 phút ngày 01/6/2021, tại trụ sở Công an phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Biên bản kiểm tra quản lý và niêm phong điện

thoại do Phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 10 giờ 35 phút ngày 01/6/2021, tại trụ sở Công an phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Biên bản kiểm tra quản lý và niêm phong điện thoại do Phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 10 giờ 40 phút ngày 01/6/2021, tại trụ sở Công an phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Biên bản kiểm tra và quản lý phương tiện do Phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 10 giờ 45 phút ngày 01/6/2021, tại trụ sở Công an phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Kết luận giám định số 197/KLGĐMT- PC09 ngày 02/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình và lời khai của người chứng kiến ông Nguyễn Hữu Thành và anh Lê Khánh Duy. Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 01/6/2021, tại khu vực đường Trần Thánh Tông, tổ 02, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tổ công tác Phòng cảnh sát cơ động Công an tỉnh Thái Bình đã bắt quả tang Trần Đình Đ, Nguyễn Trung Đ có hành vi cất giấu 02 gói ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,2332 gam nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3]. Đánh giá tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo Trần Đình Đ và Nguyễn Trung Đ cùng góp tiền bằng nhau để mua ma túy, cùng nhau tàng trữ số ma túy trên nên cả hai bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án. Các bị cáo đều là người nghiện ma túy, đối với bị cáo Trần Đình Đ đã ba lần bị xử phạt hành chính và nhiều lần bị kết án về các tội: “Cướp tài sản của công dân”, tội: “Trộm cắp tài sản”, tội “Đánh bạc”. Đối với bị cáo Nguyễn Trung Đ đã bị kết án về tội:

“Trộm cắp tài sản” nên cần xử phạt bị cáo Trần Đình Đ mức án cáo hơn bị cáo Nguyễn Trung Đ. Do đó, hành vi của các bị cáo Trần Đình Đ, Nguyễn Trung Đ đã phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội đúng pháp luật.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Bị cáo Trần Đình Đ, Nguyễn Trung Đ đều có nhân thân xấu. Bị cáo Trần Đình Đ, Nguyễn Trung Đ đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bỏ để bị cáo Trần Đình Đ đã được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì, bỏ để bị cáo Nguyễn Trung Đ được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng nhì và bị cáo Nguyễn Trung Đ đã tham gia nghĩa vụ quân sự nên cả hai bị cáo đều được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt:

[5.1]. Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội của các bị cáo và nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần thiết phải xử phạt các bị cáo Trần Đình Đ, Nguyễn Trung Đ bằng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân tốt đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

[5.2]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Trần Đình Đ, Nguyễn Trung Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về vật chứng: Đối với số Heroine, Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo Trần Đình Đ còn lại sau khi giám định là 0,0775 gam, 0,0986 gam và bao gói, cần áp dụng điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu, tiêu hủy là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu hồng, Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn Trung Đ. Hai chiếc điện thoại trên là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với số tiền 818.000 đồng, Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn Trung Đ là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại bị cáo số tiền trên là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda

– Air Blade, màu sơn: Đỏ - Đen, biển số 17M1 – 3758 mang tên anh Hoàng Anh Trường. Xét thấy chị Đào Thị L là người quản lý hợp pháp chiếc xe trên, bị cáo Trần Đình Đ mượn xe của chị L để sử dụng, chị L không biết việc bị cáo Trần Đình Đ sử dụng xe đi mua ma túy nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình trả lại chiếc xe trên cho chị L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7]. Về nguồn gốc Heroine: Bị cáo Nguyễn Trung Đ khai mua ma túy của một người nam giới khoảng 40 tuổi không biết tên, địa chỉ ở khu vực đường Phan Bá Vành, tổ 17, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Đình Đ, Nguyễn Trung Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trần Đình Đ 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/6/2021.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Đ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/6/2021.

3. Về vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy số Heroine thu được của bị cáo Trần Đình Đ còn lại sau khi giám định là 0,0775 gam, 0,0986 gam và bao gói.

- Trả lại một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu hồng cho bị cáo Nguyễn Trung Đ. Trả lại số tiền 818.000 đồng (Tám trăm mười tám nghìn đồng) cho bị cáo Nguyễn Trung Đ.

(Toàn bộ số vật chứng trên Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có đặc điểm mô tả như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/8/2021).

Chấp nhận Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình trả lại một xe máy nhãn hiệu Honda – Air Blade, màu sơn: Đỏ - Đen, biển số đăng ký 17M1 – 3758 cho chị Đào Thị L.

4. Về án phí: Các bị cáo Trần Đình Đ, Nguyễn Trung Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Trần Đình Đ, Nguyễn Trung Đ, chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 14/9/2021.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ CATP Thái Bình/Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh

